

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
1	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	01/11/2009	Bến Tre	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
2	VŨ THANH TÙNG	18/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
3	LÊ QUỲNH GIANG	21/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
4	NGUYỄN NGỌC THẢO	29/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
5	NGUYỄN NGỌC DIỄM QUYÊN	29/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
6	LÊ VŨ BẢO THIÊN	31/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
7	PHẠM MAI TUYẾT THƯƠNG	28/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
8	TRẦN UYÊN TRANG	04/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
9	HOÀNG TRÚC GIANG	08/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
10	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	06/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
11	TRẦN MINH HIẾU	05/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
12	HOÀNG NGỌC UYÊN NHI	18/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
13	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	10/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.1	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
14	TRẦN ĐẠI HIỆP	28/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	16.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
15	LÊ THẢO THU UYÊN	24/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	15.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
16	VŨ YẾN VY	04/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	15.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
17	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	07/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.3	15.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
18	NGUYỄN MINH BẢO NGỌC	12/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.3	15.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
19	PHẠM VŨ TUẤN KIỆT	29/06/2009	TP. Cần Thơ	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.1	15.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
20	PHAN NGỌC THIÊN	15/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.8	17.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
21	TRẦN NGỌC SONG THU	22/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.8	17.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
22	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	09/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.8	16.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
23	NGUYỄN TRIỆU Ý DUYÊN	05/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.7	16.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
24	NGUYỄN LÂM THANH VÂN	07/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.7	15.8	Trường THCS Lộc Nga		NV2
25	TRẦN TỔNG THIÊN THANH	25/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.5	17.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
26	TRẦN HỮU PHÚC	18/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.5	16.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
27	TRẦN NGỌC MỸ CHÂU	30/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.5	15.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
28	BÙI HỒNG THỦY TIÊN	20/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.4	15.7	Trường THCS Chu Văn An		NV2
29	LÊ TIÊN ĐẠT	13/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.4	15.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1
30	PHẠM LÊ PHÚC	28/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	9	39.0	8.2	14.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
31	NGUYỄN TRẦN QUỲNH NHI	23/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.2	14.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
32	PHẠM ANH TÚ	14/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.1	16.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
33	HOÀNG NGỌC THU	SƯƠNG	26/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.1	15.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
34	VŨ	QUYỀN	01/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.1	15.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
35	NGUYỄN PHÚC MINH	AN	15/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.0	14.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
36	LÊ TÚ	LAN	03/12/2009	Cà Mau	Nữ	Kinh		10	10	10	9	39.0	7.7	12.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
37	ĐẶNG NGUYỄN QUỐC	HIỆP	02/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.8	17.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
38	VŨ QUANG	HY	07/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.6	17.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
39	VŨ ÁNH MAI	PHƯƠNG	30/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.5	17.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
40	NGUYỄN ANH	THƯ	22/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.5	16.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
41	PHAN HOÀNG PHƯƠNG	TRANG	02/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.5	15.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
42	ĐẶNG NGUYỄN GIA	BẢO	17/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	9	10	38.0	8.5	15.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
43	TRẦN NGUYỄN GIA	HY	05/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.4	16.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
44	BÙI ANH	THƯ	18/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.3	15.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
45	BÙI VĨNH	HÙNG	14/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.2	15.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
46	NGUYỄN HUY	TÂM	05/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	9	9	38.0	8.2	14.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
47	NGUYỄN VŨ QUỲNH	ANH	07/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.1	15.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
48	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG	GIANG	02/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.1	14.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
49	NGUYỄN NGỌC THẢO	UYÊN	17/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.0	16.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
50	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	20/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	9	10	38.0	8.0	14.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
51	TÔ VŨ BẢO	HÂN	24/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	9	38.0	8.0	13.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1
52	NGUYỄN HOÀNG THẢO	VY	08/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	9	38.0	7.9	16.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
53	NGUYỄN THÙY	LÂM	31/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	9	38.0	7.9	14.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
54	VŨ NGỌC BẢO	NHI	12/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	10	9	38.0	7.8	14.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
55	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	12/08/2009	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh		10	9	10	9	38.0	7.7	14.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
56	NGÔ TRẦN THANH	THỦY	06/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	10	9	38.0	7.7	13.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
57	NGUYỄN HOÀI BẢO	THƯƠNG	01/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	9	38.0	7.5	12.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
58	LÊ THIÊN	ÂN	25/11/2009	Đồng Nai	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.9	16.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
59	NGUYỄN BẢO LINH	ĐAN	27/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.7	16.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
60	ĐỖ ĐẠI	PHÚ	30/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.5	17.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
61	NGUYỄN THIÊN	TRANG	12/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.5	15.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
62	MẠC THIÊN	KỶ	12/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.4	15.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
63	PHAN HUỲNH NGỌC	DUY	11/07/2009	Bình Định	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.4	14.3	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
64	PHAN ĐÌNH	HƯỚNG	26/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	8.3	14.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
65	PHAN NGỌC	THIỆN	23/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.2	15.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
66	TRẦN HUY	HOÀNG	24/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.2	15.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
67	TRẦN CHÍ	TUÔNG	12/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.2	15.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
68	K'	MUÔNG	18/06/2009	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0	9	9	9	9	37.0	8.2	15.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
69	NGUYỄN NGỌC	HƯƠNG	19/02/2009	Đồng Nai	Nữ	Kinh		10	9	9	9	37.0	8.2	14.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
70	CHU QUỲNH	ANH	10/10/2009	An Giang	Nữ	Kinh		9	10	9	9	37.0	8.2	13.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
71	BÙI VŨ KHÁNH	TRẦN	28/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.1	15.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
72	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	09/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.1	15.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
73	NGUYỄN TUYẾT	SƯƠNG	09/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.1	14.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
74	NGÔ THÚY	VY	14/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.0	15.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
75	TRẦN NGỌC TÂM	ĐAN	14/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.0	14.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
76	TRƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH	22/06/2009	Bình Thuận	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.0	14.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
77	BÙI BẢO	THY	09/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	9	37.0	8.0	14.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
78	PHẠM NGỌC	DIỆP	12/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	9	9	37.0	8.0	12.8	Trường THCS Lộc Nga		NV1
79	NGUYỄN GIA	KIỆT	19/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.9	15.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
80	VŨ TRẦN ĐOAN	TRANG	10/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	9	9	37.0	7.9	15.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
81	TRẦN ĐĂNG	HUY	22/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.9	13.8	Trường THCS Lộc Nga		NV1
82	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	ANH	27/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.8	15.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
83	TRẦN THIÊN	PHÚ	22/05/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.8	14.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
84	NGUYỄN XUÂN	LÂM	05/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.8	13.8	Trường THCS Lộc Nga		NV1
85	KIM NGUYỄN KIỀU	ANH	05/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	9	9	37.0	7.8	12.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
86	NGUYỄN VŨ LÂM	HÙNG	04/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.7	14.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
87	NGUYỄN HUỲNH BẢO	HÂN	17/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	9	9	9	9	37.0	7.7	14.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
88	VÔ THỤY HẢI	MY	19/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.7	12.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
89	LÊ VŨ MINH	THƯ	01/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.6	13.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
90	NGUYỄN ĐỨC PHONG	VŨ	27/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.5	14.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
91	ĐỖ TRẦN BẢO	THY	03/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	9	9	37.0	7.5	14.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
92	KA	TIỀN	21/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Nộp	1.0	9	9	9	9	37.0	7.5	12.8	Trường THCS Lộc Nga		NV1
93	VŨ PHƯƠNG	UYÊN	27/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.4	14.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
94	LÊ QUỐC	CHƯƠNG	22/05/2009	Thanh Hóa	Nam	Mường	1.0	9	9	9	9	37.0	7.0	11.9	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
95	NGUYỄN XUÂN	THÔNG	31/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.5	14.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
96	NGUYỄN NGỌC DIỄM	KIỀU	16/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.3	14.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
97	LÊ QUỐC	HUY	17/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.3	14.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
98	TRẦN MAI THẢO	VY	02/01/2009	Bạc Liêu	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.3	14.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
99	BÙI HOÀNG	HIỆP	13/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.1	14.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
100	TRẦN XUÂN	HỮU	03/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.1	13.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
101	ĐẶNG QUANG	NGUYỄN	23/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.0	15.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
102	LÊ NGUYỄN MINH	THƯ	25/11/2009	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.0	15.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
103	BÙI NGỌC THIÊN THU	15/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.0	14.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
104	NGUYỄN AN NHƯ	04/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.0	14.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
105	TRẦN THANH NGÂN	27/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.0	13.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
106	HỒ LÊ THIÊN ÂN	16/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	15.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
107	NGUYỄN NHẬT KHÁNH UYÊN	13/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	14.8	Trường THCS Lộc Nga		NV1
108	NGUYỄN HOÀNG ANH THU	15/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	14.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
109	NGUYỄN BẢO TRÂM	11/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	14.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
110	ĐÀO HOÀNG THÁI	17/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	14.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
111	ĐOÀN BẢO MINH	05/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	13.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
112	VÕ PHÚC LỘC	28/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	13.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
113	TRỊNH HOÀI ANH	01/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	13.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
114	NGUYỄN GIA CÁT TƯỜNG	17/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	12.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
115	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	02/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	12.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
116	VŨ NHẬT QUỲNH MAI	06/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.8	14.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
117	NGUYỄN QUỲNH THANH TRÚC	25/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.8	13.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
118	HOÀNG LÊ NHẬT HÀO	23/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	15.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
119	NGUYỄN NGỌC ANH	17/02/2009	Đắk Lắk	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	15.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
120	TRẦN THANH BÌNH	16/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	14.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
121	NGUYỄN NGỌC THÙY AN	29/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	14.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
122	NGUYỄN HOÀNG NHẬT ĐAN	12/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	14.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
123	VŨ BẢO QUYÊN	05/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	14.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
124	TRẦN NGUYỄN HÀ LINH	22/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	14.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
125	LÊ THỊ MỸ TÂM	05/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	14.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
126	LÂM TRỌNG KIÊM	27/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	14.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
127	HOÀNG NGỌC CHÚC HÂN	20/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	13.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
128	ĐỖ HÁI ĐĂNG	07/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	13.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
129	LÊ HUY	31/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	13.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1
130	NGUYỄN TUẤN TÚ	19/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	12.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
131	NGUYỄN BẢO DUY	03/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	12.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
132	NGUYỄN HOÀNG GIANG	12/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	12.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
133	VŨ ANH KHOA	12/08/2009	Bình Thuận	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	13.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
134	LƯU HOÀNG KIỀU VY	10/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	13.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
135	BÙI NGỌC KHÁNH ĐAN	18/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	12.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
136	HOÀNG THIÊN BẢO	11/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	12.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
137	NGÔ BẢO NHƯ	27/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	12.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
138	NGUYỄN QUỐC THÀNH	21/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	12.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
139	CAO NGUYỄN HẠNH VY	26/09/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	14.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
140	TRẦN MINH HUẤN	27/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	14.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
141	TRẦN VŨ KHÁNH DUY	17/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	13.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
142	NGUYỄN VĂN PHONG	08/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	13.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
143	TRẦN NGỌC HUYỀN	01/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	13.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
144	LÊ BÙI HẢI YẾN	15/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	13.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
145	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	07/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	13.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
146	TRẦN NGỌC BẢO TRÂM	17/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	12.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
147	LẠI PHÚC ANH THU	16/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	12.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
148	NGUYỄN VĂN NGỌC NGHI	30/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	12.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
149	NGUYỄN HOÀNG VIỆT ANH	25/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	12.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
150	ĐÀO NGUYỄN MINH CHIẾN	24/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	8	36.0	7.5	12.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
151	LÊ ĐỨC HUY	02/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	12.0	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
152	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	09/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	15.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
153	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	14/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	14.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
154	PHẠM NGỌC NHƯ QUỲNH	10/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	12.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
155	NGUYỄN KHÁNH ĐĂNG	13/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	12.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
156	TRẦN HOÀNG NGUYỄN	12/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	12.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
157	NGUYỄN GIA ĐẠT	21/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	12.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
158	NGUYỄN NHẬT THU	01/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.3	13.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
159	TRẦN GIA HUY	13/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.3	13.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
160	NGUYỄN ĐỨC QUÝ NHỊ	18/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.3	11.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
161	ĐÀO THÀNH DOANH	10/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.2	14.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
162	ĐẶNG ÁNH DƯƠNG	01/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.2	12.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
163	PHAN ANH THU	23/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.2	12.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
164	NGÔ HOÀI BẢO NGỌC	18/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.2	12.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
165	LÊ NGỌC QUỲNH ANH	10/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.2	12.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
166	PHẠM VŨ ANH KHOA	02/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.2	12.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
167	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	22/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.2	11.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
168	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	22/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.2	11.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
169	TRẦN ĐỨC THIÊN ÂN	21/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.1	14.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
170	NGUYỄN PHƯỚC HUY	05/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.1	13.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
171	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	18/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.1	12.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
172	NGUYỄN MINH BẢO	26/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.1	11.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
173	NGUYỄN NGỌC BẢO	QUYÊN	06/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.0	13.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
174	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	08/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.0	12.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
175	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	MY	13/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.0	12.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
176	TRẦN TUẤN	ANH	28/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	6.9	11.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
177	HOÀNG NGỌC KIỀU	OANH	27/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	6.9	10.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
178	NGÔ QUỐC	CƯỜNG	01/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	8	8	9	35.0	8.4	15.0	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
179	NGÔ TẤN	ĐẠT	30/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	10	35.0	8.1	15.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
180	NGUYỄN ANH	HÀO	27/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	10	35.0	8.1	14.5	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
181	MAI HOÀNG GIA	BẢO	20/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	8	9	35.0	8.0	13.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
182	TRẦN THỊ THU	HOÀI	02/07/2009	Ninh Bình	Nữ	Kinh		9	8	9	9	35.0	7.9	12.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
183	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	LINH	30/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	7	9	9	35.0	7.8	14.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
184	NGUYỄN THÊ	THÀNH	04/04/2009	Bình Phước	Nam	Kinh		9	9	8	9	35.0	7.8	12.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
185	LẠI ANH	KIỆT	16/07/2009	Thanh Hóa	Nam	Kinh		9	9	8	9	35.0	7.6	15.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
186	TRẦN THANH	THẢO	19/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	8	9	35.0	7.6	13.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
187	HOÀNG PHƯƠNG	TRINH	10/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	8	35.0	7.5	13.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
188	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	05/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	9	9	35.0	7.3	14.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
189	PHẠM KHÁNH VÂN	ANH	13/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	9	9	35.0	7.3	12.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
190	LƯƠNG GIA	BẢO	30/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	7	9	35.0	7.2	12.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
191	PHẠM THUỶ HẠNH	ĐAN	06/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		8	9	9	9	35.0	7.1	12.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
192	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	11/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	9	7	9	9	35.0	7.1	11.2	Trường THCS Quang Trung		NV2
193	KA	THIỆT	21/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0	9	9	9	7	35.0	7.1	10.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
194	MAI HOÀNG GIA	BẢO	13/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	8	35.0	6.9	13.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
195	NGUYỄN NHẬT DUY	HÙNG	30/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	8	8	35.0	6.9	12.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
196	NGUYỄN NHẬT	QUỐC	29/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	7	9	9	35.0	6.8	12.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
197	TRẦN THANH	HÀ	02/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	8.0	15.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
198	VŨ PHẠM QUỐC	BẢO	19/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	8.0	13.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
199	LƯU QUANG	ĐẠO	25/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.9	14.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
200	NGUYỄN NGỌC	HÂN	16/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.9	13.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
201	NGUYỄN THÁI	LÂM	30/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.8	16.6	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
202	PHAN CÔNG	ĐẠO	01/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.7	14.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
203	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	22/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	8	9	34.0	7.7	13.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
204	LÊ TRÍ	KHÁNH	23/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	10	9	9	34.0	7.7	12.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
205	TRẦN NGỌC NHƯ	QUỲNH	05/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.6	14.6	Trường THCS Chu Văn An		NV2
206	BÙI THỊ HỒNG	QUYÊN	02/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.6	12.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
207	PHẠM NGUYỄN THÀNH	TÂM	29/06/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		9	8	9	8	34.0	7.6	10.8	Trường THCS Quang Trung		NV2
208	TRẦN NGỌC QUỐC	BẢO	29/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.5	13.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
209	NGUYỄN QUỐC	HUY	02/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.5	13.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
210	NGUYỄN KHÁNH	PHÁT	23/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.5	12.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
211	MAI THỊ HOÀNG	YẾN	12/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.5	11.3	Trường THCS Quang Trung		NV2
212	TRINH NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	02/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.4	12.8	Trường THCS Lộc Nga		NV1
213	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	14/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.4	12.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
214	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	KHẢI	23/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.4	11.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
215	VŨ TRẦN KIM	NGÂN	24/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.3	13.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
216	TRẦN YẾN	QUỲNH	08/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.3	13.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
217	TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	05/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	8	9	34.0	7.3	12.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
218	PHẠM CAO	MINH	30/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.3	12.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
219	TRẦN VŨ BẢO	TRÂN	03/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.3	11.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
220	BÙI THỊ	CHI	02/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.3	11.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
221	NGUYỄN NGỌC	HÂN	31/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	7.2	14.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
222	TRẦN THIÊN NHẬT	ANH	26/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.2	14.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
223	PHAN NGUYỄN KHÁNH	ĐĂNG	03/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.2	13.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
224	VŨ LÊ BẢO	TRÂM	07/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.2	12.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
225	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	29/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.2	12.3	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
226	NGUYỄN THỊ THẢO	MI	08/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.2	12.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
227	LƯƠNG GIA	BẢO	19/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.2	11.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
228	NGUYỄN TUẤN	ANH	18/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.2	11.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
229	TRẦN MINH	TUẤN	01/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.1	14.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
230	NGUYỄN BẢO	NGỌC	09/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.1	14.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
231	VŨ HOÀNG NHẬT	NGUYỄN	06/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	8	7	34.0	7.1	10.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
232	LÊ THỊ YẾN	NHƯ	28/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	7.1	9.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
233	NGUYỄN LÊ HOÀNG	MY	29/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	7.0	12.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
234	PHẠM THỊ QUỲNH	THỊ	28/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.0	12.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
235	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	ANH	21/04/2009	Bình Thuận	Nữ	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.0	12.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
236	TRẦN Ý BẢO	NHI	17/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	8	7	34.0	7.0	12.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
237	TRẦN MINH	QUÂN	25/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.0	11.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
238	HOÀNG DUY	QUANG	26/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.0	11.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
239	ĐẶNG MINH	THUẬN	19/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.0	11.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
240	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	01/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	7.0	11.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
241	NGUYỄN HỮU MINH	TUẤN	17/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	6.9	12.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
242	PHẠM TRẦN BẢO	NGUYỄN	30/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34.0	6.9	12.6	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
243	TRẦN NGỌC THIÊN	PHƯƠNG	19/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	9	34.0	6.9	12.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
244	NGÔ THIÊN	TRÚC	16/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	6.9	12.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
245	TRỊNH HẢI	ĐĂNG	22/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	9	34.0	6.9	12.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
246	TRẦN ĐÌNH	NGUYỄN	27/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	6.9	12.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
247	VŨ NGUYỄN NGỌC	THÚY	06/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	6.9	11.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
248	NGÔ PHƯƠNG	QUỲNH	04/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	6.9	11.6	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
249	HOÀNG LÊ BẢO	TRÂM	19/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	6.9	11.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
250	VŨ HOÀI	AN	16/12/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	6.9	11.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
251	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	11/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	6.9	11.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1
252	NGUYỄN LƯƠNG GIA	ÂN	16/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	9	34.0	6.9	11.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
253	ĐÌNH TUẤN	KIỆT	30/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34.0	6.8	11.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
254	LÊ BẢO	ANH	27/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	7	34.0	6.8	10.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
255	TRẦN MINH	ĐĂNG	05/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	9	34.0	6.7	12.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
256	ĐỖ THUY NHƯ	NGỌC	14/08/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	6.6	10.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
257	PHẠM THU	UYÊN	09/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	6.4	11.6	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
258	NGUYỄN NGỌC BÍCH	TRÂM	03/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	7	34.0	6.3	10.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
259	TRẦN ĐÌNH QUANG	HUY	05/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	9	9	9	33.0	8.4	15.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
260	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	19/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	6	9	9	33.0	8.3	15.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
261	PHẠM THỊ DIỄM	MY	12/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	6	9	33.0	8.2	16.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
262	PHÙNG THỊ	TÚ	23/08/2009	Nghệ An	Nữ	Kinh		9	7	7	10	33.0	8.1	15.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
263	NGUYỄN QUỲNH	LAM	22/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	8	9	9	33.0	7.9	12.7	Trường THCS Sơn Trung		NV1
264	TRẦN TUYẾT	NHI	28/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	8	9	9	33.0	7.8	13.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
265	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	ANH	02/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	6	33.0	7.7	13.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
266	PHAN CÔNG	PHÚC	07/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	7	9	33.0	7.5	13.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
267	MAI HOÀNG THIÊN	BẢO	17/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	8	33.0	7.5	12.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
268	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGÂN	20/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	6	9	33.0	7.5	12.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
269	LƯU PHÚ	HÀO	11/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0	7	7	9	9	33.0	7.5	12.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
270	CHU THỊ UYÊN	UYÊN	26/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	6	9	9	33.0	7.4	13.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
271	NGUYỄN TRẦN QUỐC	DUY	17/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	6	9	9	33.0	7.4	13.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
272	NGUYỄN ANH HOÀNG	GIA	15/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	6	9	33.0	7.4	11.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
273	PHẠM NGỌC KIM	NGÂN	22/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	8	9	9	33.0	7.3	13.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
274	ĐẶNG MINH	HOÀNG	06/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	6	9	33.0	7.3	12.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
275	K'	THUYN	08/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	1.0	9	9	7	7	33.0	7.3	12.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
276	ĐÀO HỮU	PHƯỚC	01/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		8	9	9	7	33.0	7.3	11.2	Trường THCS Hùng Vương		NV2

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
277	PHẠM	KHANY	10/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	6	33.0	7.2	11.5	Trường TH, THCS & THPT Quốc Tế Châu Á Thái Bình Dương Bảo Lộc		NV1
278	VŨ NGUYỄN TUẤN	MINH	25/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	6	33.0	7.1	10.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
279	TRẦN GIA	HUY	10/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	7	9	33.0	7.0	13.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
280	VŨ HOÀNG GIA	BẢO	24/10/2009	Quảng Ninh	Nam	Kinh		9	9	6	9	33.0	7.0	12.3	Trường THCS Đạm Bri		NV1
281	TRẦN MAI ANH	TUẤN	10/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	8	33.0	6.9	11.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
282	KA	UYÊN	13/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	1.0	9	9	7	7	33.0	6.8	10.8	Trường THCS Lộc Nga		NV1
283	HOÀNG CHÍ	HÙNG	16/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	6	33.0	6.6	10.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
284	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THU	22/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	7	9	33.0	6.6	10.5	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
285	B' KAU JO	LY	15/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	1.0	9	9	7	7	33.0	6.6	10.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
286	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	29/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	8	6	33.0	6.5	11.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
287	HOÀNG YẾN	MY	04/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	8	9	6	33.0	6.3	11.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
288	NGUYỄN NGỌC BĂNG	NHI	13/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	7	9	32.0	8.1	17.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
289	LÊ HOÀNG MINH	PHƯƠNG	17/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	8.0	14.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
290	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	15/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	8.0	13.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
291	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	03/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.9	13.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
292	LÊ BẢO	NGỌC	15/05/2009	Đồng Nai	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.9	13.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
293	VŨ NGUYỄN CẨM	LINH	16/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.8	14.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
294	NGUYỄN ANH	KHOA	29/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	9	32.0	7.8	14.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
295	VŨ QUỐC	BẢO	23/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	9	32.0	7.8	13.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
296	NGUYỄN VĂN HOÀNG	LONG	22/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.8	13.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
297	NGUYỄN PHẠM TUẤN	HUNG	29/11/2007	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.8	12.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
298	PHẠM LỘC	TÀI	29/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.8	10.6	Trường THCS Quang Trung		NV2
299	NGUYỄN PHẠM NHẬT	ANH	22/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.7	14.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
300	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	10/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.7	14.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
301	NGUYỄN ĐỖ LAN	HƯƠNG	06/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	7	9	32.0	7.7	13.9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
302	TÓNG ĐỨC	THỊNH	12/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.7	13.6	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
303	ĐINH LÂM BẢO	VY	24/03/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.7	12.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
304	ĐẶNG TUẤN	KIỆT	24/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.6	14.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
305	LÊ HOÀNG	VŨ	10/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	9	32.0	7.6	14.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
306	NGÔ THỊ MỸ	THẨM	04/08/2009	Bình Thuận	Nữ	Kinh		8	7	8	9	32.0	7.6	12.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
307	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VY	26/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.6	12.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
308	TRẦN QUANG	ĐẠT	26/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.6	11.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
309	VŨ THỊ THANH	THẢO	11/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	7	9	32.0	7.5	14.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
310	TRẦN VŨ BẢO	TRÚC	03/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	7	32.0	7.5	14.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
311	NGÔ QUỐC	BẢO	03/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.5	13.8	Trường THCS Trần Quốc Toàn		NV1
312	NGUYỄN MAI HUYỀN	NHI	17/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	6	9	32.0	7.5	13.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
313	PHẠM THIÊN	KIM	22/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.5	13.0	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
314	ĐÀO MINH	KHANG	06/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.5	12.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
315	ĐÀO NGỌC	HẰNG	24/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.5	12.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
316	NGUYỄN LÊ HOÀNG MỸ	QUYÊN	16/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.5	11.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
317	ĐOÀN THANH	BÌNH	21/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.4	14.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
318	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	ANH	25/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.4	13.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
319	TRẦN HOÀNG TRIỆU	HẢI	15/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.4	13.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
320	TRẦN MINH GIA	BẢO	10/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.3	14.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
321	HOÀNG KỶ	ANH	09/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	8	6	32.0	7.3	13.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
322	ĐẶNG THÁI	PHÚC	14/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.3	13.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
323	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THY	23/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.3	12.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
324	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	17/11/2009	Quảng Bình	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.3	12.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
325	HOÀNG ĐẶNG THANH	PHONG	29/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	7	32.0	7.3	12.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
326	LẠI PHÚC TRUNG	TÍN	18/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.3	11.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
327	KA ÁNH	THỦY	01/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	1.0	9	6	7	9	32.0	7.3	11.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
328	VŨ TRẦN ĐIỂM	VY	18/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.2	13.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
329	LÊ THANH TUYẾT	NHI	22/01/2009	Bình Thuận	Nữ	Kinh		9	7	9	7	32.0	7.2	12.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
330	VŨ ĐỨC	LỘC	15/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.2	12.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
331	TẠ NGỌC THANH	TUYÊN	10/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	7	32.0	7.2	12.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
332	VŨ NHẬT	MINH	13/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	7.2	12.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
333	NGUYỄN AN BẢO	THANH	16/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	7	32.0	7.2	11.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
334	NGUYỄN BẢO	THIÊN	12/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.1	12.8	Trường THCS Hùng Vương		NV2
335	CAO ĐỨC	TÀI	06/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	9	32.0	7.1	12.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
336	TẠ TUẤN	MINH	19/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	9	6	32.0	7.1	12.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1
337	TRẦN QUỲNH	ANH	09/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.1	12.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
338	MA NHẬT MINH	HOÀNG	02/05/2009	Đồng Nai	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.1	11.5	Trường THCS Hùng Vương		NV2
339	TRẦN HUY	HOÀNG	01/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	7.1	10.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
340	VŨ HỒNG	ÂN	09/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	7	32.0	7.1	10.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
341	NGUYỄN PHẠM MINH	THƯ	13/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.1	10.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
342	VŨ NGỌC YẾN	NHUNG	22/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.0	12.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
343	ĐỖ NGỌC THÀNH ĐẠT	13/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	9	32.0	7.0	12.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
344	NGUYỄN THỊ TUỜNG VY	21/09/2009	Bình Thuận	Nữ	Kinh		7	9	9	7	32.0	7.0	11.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
345	NGUYỄN PHI LONG	27/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.0	11.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
346	CHUNG THỤY THỰC QUYỀN	29/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	7	32.0	7.0	11.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
347	LÊ HỮU CHÁNH	18/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	7.0	11.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
348	TRẦN NHẬT HÀO	12/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	9	32.0	7.0	10.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
349	NGUYỄN ĐĂNG QUÂN	19/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	7.0	10.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
350	NGUYỄN NGỌC THIÊN TRÚC	07/08/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.0	10.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
351	PHẠM NGUYỄN THIÊN ÂN	12/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	6.9	13.3	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
352	LÊ DANH ĐĂNG KHÔI	04/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	6.9	12.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
353	TRỊNH NGUYỄN KHANG	08/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.9	11.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1
354	NGUYỄN HOÀNG THANH HUYỀN	13/09/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	6.8	13.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
355	DƯƠNG THỊ TUYẾT ANH	02/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	6.8	12.5	Trường TH & THCS Lê Lợi		NV1
356	HOÀNG THỊ YẾN TRANG	08/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	6.8	12.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
357	ĐẶNG TRUNG HIẾU	01/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.8	12.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
358	TRẦN THẢO PHƯƠNG THÚY	05/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.8	11.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
359	TRẦN TRUNG THÀNH	01/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.8	11.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
360	VŨ NGỌC QUỲNH THY	30/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.8	10.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
361	VŨ NGUYỄN TUYẾT NHI	18/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.8	10.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
362	TRẦN BÙI TRUNG HIẾU	27/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.8	10.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
363	TRẦN GIA KHÁNH	27/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.8	9.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
364	NGUYỄN MINH HOÀNG	13/06/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.8	9.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
365	NGUYỄN SỸ DŨNG	06/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.7	10.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
366	NGUYỄN ĐỨC LỘC	24/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	6.6	10.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
367	NGUYỄN TÂM ANH	07/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	6.5	11.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
368	TRẦN BẢO AN	23/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	6.5	11.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
369	LƯƠNG TẤN DŨNG	17/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.5	11.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
370	HỒ KIM XUÂN	05/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	7	32.0	6.5	10.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
371	NGUYỄN NGỌC MAI TRÂM	13/08/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.4	11.6	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
372	LÊ HÀ LỘC	13/10/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.4	11.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
373	NGUYỄN TÔN BẢO SƠN	28/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	7	32.0	6.2	12.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
374	TRẦN QUỐC CƯỜNG	05/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32.0	6.2	10.6	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
375	ĐỖ MINH ĐỨC	19/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.2	10.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
376	VŨ DUY VƯƠNG	02/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.1	11.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
377	NGUYỄN QUỐC HUY	29/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	10	31.0	8.5	16.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
378	TRẦN VĂN AN	25/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	6	9	9	31.0	8.0	14.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
379	TRINH ĐOÀN VÂN ANH	12/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	8	31.0	7.5	12.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
380	NGUYỄN HOÀNG BẢO NHI	24/10/2009	Đồng Nai	Nữ	Kinh		9	7	6	9	31.0	7.3	12.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
381	LẠI NHẬT TRƯỜNG	13/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	6	9	31.0	7.3	11.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
382	VŨ HOÀNG BẢO TÚ	27/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		8	6	8	9	31.0	7.2	12.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
383	LÊ NGUYỄN QUỲNH DIỄM	07/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	6	7	9	31.0	7.1	13.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
384	NGUYỄN MINH QUÂN	08/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	6	9	31.0	7.0	12.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
385	NGÔ GIA BẢO	06/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	6	7	31.0	7.0	10.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
386	TRẦN ĐỨC HUY	01/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	7	7	31.0	6.9	11.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
387	VƯƠNG GIA BẢO	08/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	6	9	7	31.0	6.9	11.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
388	ĐỖ VĂN CHIẾN	28/10/2009	Ninh Bình	Nam	Kinh		9	7	6	9	31.0	6.8	12.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
389	TRẦN LÊ THUY TIỀN	25/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	6	9	7	31.0	6.8	11.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
390	TRẦN NGỌC NAM KHÁNH	01/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	6	7	9	31.0	6.8	11.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
391	K' LÂM TRUNG HIẾU	04/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	1.0	7	9	7	7	31.0	6.8	11.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
392	QUÁCH TRÍ KHANG	17/06/2009	Hòa Bình	Nam	Mường	1.0	7	7	7	9	31.0	6.7	12.1	Trường TH & THCS Lê Lợi		NV1
393	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	05/04/2009	Bình Thuận	Nam	Kinh		9	7	9	6	31.0	6.7	11.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
394	NGUYỄN CÔNG DANH	19/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	9	7	7	7	31.0	6.5	11.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV2
395	PHẠM NGỌC BẢO THY	29/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	6	7	9	31.0	6.5	10.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
396	PHẠM TRẦN NGỌC ĐAN THANH	11/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	6	31.0	6.3	9.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
397	VŨ QUANG MINH	01/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	6	7	31.0	6.3	8.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
398	TSÚ NGỌC YÊN	20/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	9	7	7	7	31.0	6.2	11.0	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
399	PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT	11/06/2009	Ninh Bình	Nữ	Kinh		9	9	6	7	31.0	6.1	10.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
400	TRẦN MINH QUÂN	01/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	6	9	7	31.0	6.0	9.6	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
401	VŨ NGỌC MINH THU	18/11/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.6	13.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
402	NGÔ TRẦN KHÁNH ĐĂNG	23/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.3	11.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
403	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	01/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.2	12.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
404	NGUYỄN VĂN HẢI	26/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	7	30.0	7.2	12.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
405	TRINH HUYỀN CHÂU	20/06/2009	Nam Định	Nữ	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.2	12.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
406	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	15/09/2009	Nghệ An	Nữ	Kinh		6	6	9	9	30.0	7.2	11.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
407	HUYNH THẢO TRÂM	16/06/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	7	30.0	7.2	11.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
408	LƯỠNG HỮU DƯƠNG	30/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.1	13.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
409	NGUYỄN ĐÌNH ANH	24/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.1	11.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
410	HUYNH CAO HỮU PHÚC	20/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.0	13.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
411	ĐẶNG VĂN THỦY	10/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	7.0	12.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
412	PHẠM QUỐC GIA HUY	17/05/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.0	11.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
413	NGUYỄN THÀNH TÚ	29/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	6	6	9	30.0	7.0	11.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
414	TRẦN HOÀNG BẢO	18/12/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.9	11.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
415	PHẠM HUY	27/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.9	11.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
416	TRẦN DUY	30/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	6.8	12.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
417	TRẦN THIÊN	30/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.8	11.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
418	NGUYỄN VŨ THÙY	14/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	7	9	30.0	6.8	11.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
419	TRẦN NGỌC QUỲNH	02/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	7	9	30.0	6.8	10.9	Trường THCS Chu Văn An		NV1
420	NGUYỄN THANH	27/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.7	12.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
421	NGUYỄN THỊ KIM	01/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.7	10.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
422	PHẠM NGUYỄN GIA	12/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	6.6	12.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
423	TRẦN GIA	01/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.6	11.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
424	NGUYỄN NGỌC HUY	28/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.6	10.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
425	PHẠM NGUYỄN GIA	22/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	7	30.0	6.6	10.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
426	LÊ MINH	21/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.6	10.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
427	TRẦN GIA	16/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.5	11.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
428	NGUYỄN NGỌC	29/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.5	11.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
429	VŨ NGỌC PHƯƠNG	10/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.4	11.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
430	NGUYỄN ĐỨC	05/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.4	11.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
431	NGUYỄN PHƯƠNG	13/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	6	8	7	30.0	6.4	10.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
432	NGUYỄN NGỌC BẢO	15/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	5	7	30.0	6.3	10.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
433	TRẦN TIÊN	22/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	7	7	30.0	6.2	10.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
434	NGUYỄN ANH	26/06/2009	An Giang	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.2	10.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
435	LƯƠNG ĐỨC	06/05/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		9	8	7	6	30.0	6.2	9.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
436	K'LÂM MINH	15/04/2009	Lâm Đồng	Nam	K'ho	1.0	7	9	7	6	30.0	6.1	10.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
437	NGUYỄN VĂN	13/07/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.1	9.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
438	NGUYỄN MINH	20/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	7	30.0	5.8	10.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
439	NGUYỄN XUÂN	04/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	6	7	9	29.0	7.3	12.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
440	NGUYỄN THỊ KHÁNH	09/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	6	7	29.0	7.2	11.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
441	NGUYỄN BÍCH MỘNG	18/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		6	6	8	9	29.0	7.2	11.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
442	LƯƠNG GIA	29/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	6	7	29.0	7.0	12.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
443	TRỊNH NGUYỄN PHƯƠNG	12/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	6	9	29.0	6.8	12.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
444	NGUYỄN THẾ BẢO	12/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	6	7	29.0	6.7	10.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
445	PHẠM NGUYỄN NHƯ	11/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	6	29.0	6.6	12.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
446	ĐẶNG NGUYỄN TÂN	31/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	6	29.0	6.6	9.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
447	NGUYỄN ĐĂNG	09/05/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	6	7	7	29.0	6.0	9.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
448	K' HOAN	28/12/2009	Lâm Đồng	Nam	NÔP	1.0	7	7	7	7	29.0	5.9	10.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
449	K' BRƠI	03/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Ko ho	1.0	7	7	7	7	29.0	5.8	10.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
450	K' DAN DUYN	15/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Nốp	1.0	6	9	7	6	29.0	5.8	9.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1

Danh sách này có 450 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển 450 học sinh, trong đó:

- Số HS tuyển thẳng: 0 HS gồm: HS trường PT DTNT : 0 HS, HS khuyết tật: 0 HS
- Số HS nguyện vọng 1: 439 HS,

Điểm chuẩn NV1 gồm: Tổng điểm: 29.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 5.8 Điểm; Điểm Toán + Văn: 9.4 điểm

- Số HS nguyện vọng 2: 11 HS,

Điểm chuẩn NV2 gồm: Tổng điểm: 31.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 6.5 Điểm; Điểm Toán + Văn: 11.5 điểm

- Số lớp: 10 lớp; Sĩ số: 45 HS/lớp

Lâm Đồng, ngày tháng năm.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)